

**BỘ CÔNG THƯƠNG**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ**  
**\*\*\*\*\***

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**  
**TIẾNG NHẬT 1**

**Số tín chỉ : 2**

**Trình độ đào tạo : Đại học**

**Ngành đào tạo : Khối ngành không chuyên**

**Năm 2020**

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Khối ngành không chuyên

1. Tên học phần: Tiếng Nhật 1

2. Mã học phần: TNHAT 001

3. Số tín chỉ: 2 (2, 0)

4. Trình độ cho sinh viên: Năm thứ 1

5. Phân bổ thời gian

- Lên lớp: 30 tiết lý thuyết, 0 tiết thực hành

- Tự học: 60 giờ

6. Điều kiện tiên quyết: Không

7. Giảng viên

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Đặng Thị Thanh	08333.08338	dtthanh@saodo.edu.vn

8. Mô tả nội dung của học phần

Học phần đề cập đến những kiến thức cơ bản về các nội dung sau:

- Chữ viết (nhập môn Kana): Bảng chữ Hiragana và Katakana, các ghép âm, âm ngắt, trường âm.

- Ngữ pháp: Thể khẳng định, phủ định, nghi vấn của -desu; trợ từ -wa, -mo, -no; các đại từ chỉ định.

- Từ vựng: Các cụm từ chào hỏi, làm quen, giới thiệu bản thân, danh từ chỉ nghề nghiệp, quốc tịch, đồ vật, số đếm.

- Kỹ năng: Luyện tập nghe, nói, đọc, viết về các chủ đề chào hỏi, làm quen, giới thiệu bản thân, nghề nghiệp, quốc tịch, tuổi tác, cách nói sở hữu, giá cả, nguồn gốc hàng hóa, vị trí đồ vật.

9. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

9.1. Mục tiêu

Mục tiêu học phần thỏa mãn mục tiêu của chương trình đào tạo:

<b>Mục tiêu</b>	<b>Mô tả</b>	<b>Mức độ theo thang đo Bloom</b>	<b>Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT</b>
<b>MT1</b>	<b>Kiến thức</b>		
	Trình bày kiến thức cơ bản về các nội dung sau: - Bảng chữ Hiragana và Katakana, các ghép âm, âm ngắt, trường âm. - Các hiện tượng ngữ pháp cơ bản: Thể khẳng định, phủ định, nghi vấn của -desu; trợ từ -wa, -mo, -no; các đại từ chỉ định. - Từ vựng, cấu trúc câu giao tiếp đơn giản để chào hỏi, làm quen, giới thiệu bản thân, danh từ chỉ nghề nghiệp, quốc tịch, đồ vật, số đếm.	1	[1.2.1.1b]
<b>MT2</b>	<b>Kỹ năng</b>		
	- Đọc và viết hai bảng chữ Hiragana, Katakana theo đúng thứ tự các nét, phát âm đúng các âm ngắt, âm ghép, trường âm. - Kỹ năng nghe, nói, đọc, viết về chủ điểm: Chào hỏi, giới thiệu bản thân, vị trí, xuất xứ, giá cả của hàng hóa, đồ dùng.	3	[1.2.2.3]
<b>MT3</b>	<b>Mức tự chủ và trách nhiệm</b>		
	Sinh viên có năng lực: Làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, giao tiếp và thuyết trình giải thích vấn đề trong nhóm cũng như trước lớp. Có thái độ tích cực trong học tập và chịu trách nhiệm với các nhiệm vụ được phân công.	3	[1.2.3.1]

## 9.2. Chuẩn đầu ra

Sự phù hợp của chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

<b>CĐR học phần</b>	<b>Mô tả</b>	<b>Thang đo Bloom</b>	<b>Phân bổ CĐR học phần trong CTĐT</b>
<b>CĐR1</b>	<b>Kiến thức</b>		
CĐR1.1	Phân biệt được chữ Hiragana và Katakana.	1	[2.1.3]
CĐR1.2	Nhận biết được các âm ghép, âm ngắt, trường âm.		

<b>CĐR học phần</b>	<b>Mô tả</b>	<b>Thang đo Bloom</b>	<b>Phân bố CĐR học phần trong CTĐT</b>
CĐR1.3	Trình bày được từ vựng, cấu trúc điển đạt các hoạt động giao tiếp đơn giản: Chào hỏi, làm quen, giới thiệu bản thân, danh từ chỉ nghề nghiệp, quốc tịch, đồ vật, số đếm.		
CĐR1.4	Chuyển đổi được thể khẳng định, phủ định và nghi vấn của -desu.		
CĐR1.5	Phân biệt được cách sử dụng các trợ từ -wa, -mo, -no và các đại từ chỉ định.		
<b>CĐR2</b>	<b>Kỹ năng</b>		
CĐR2.1	Đọc và viết đúng chữ Hiragana và Katakana.		
CĐR2.2	Phát âm đúng âm ghép, âm ngắt, trường âm.		
CĐR2.3	Giới thiệu rõ ràng thông tin về bản thân và đối tượng giao tiếp.		
CĐR2.4	Nghe, nói, đọc, viết tìm hiểu các thông tin cá nhân như tên tuổi, nơi sinh, quê quán, quốc tịch, nghề nghiệp, nơi làm việc.	3	[2.2.8]
CĐR2.5	Nghe, nói, đọc, viết giới thiệu vị trí, địa điểm, nơi chốn, xuất xứ, giá cả của hàng hóa, đồ dùng.		
<b>CĐR3</b>	<b>Mức tự chủ và trách nhiệm</b>		
CĐR3.1	Có thái độ tích cực hợp tác với giảng viên và các sinh viên khác trong quá trình học và làm bài tập.		
CĐR3.2	Có kỹ năng tự đọc và nghiên cứu các phần tự học trong tài liệu mà giảng viên yêu cầu.	3	[2.3.1]
CĐR3.3	Phân công nhiệm vụ trong nhóm hiệu quả.		
CĐR3.4	Có khả năng thuyết trình các vấn đề tự học ở nhà và báo cáo kết quả làm việc của nhóm trước lớp.		

### 10. Ma trận liên kết nội dung với chuẩn đầu ra học phần

Bài	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần													
		CDR1					CDR2					CDR3			
		CDR1.1	CDR1.2	CDR1.3	CDR1.4	CDR1.5	CDR2.1	CDR2.2	CDR2.3	CDR2.4	CDR2.5	CDR3.1	CDR3.2	CDR3.3	CDR3.4
1	I. ひらがな (Chữ Hiragana)	x	x				x	x				x	x	x	x
2	II. カタカナ (Chữ katakana)	x	x				x	x				x	x	x	x
3	III. 挨拶と数学 (Các câu chào và số đếm)	x	x	x			x	x				x	x	x	x
4	第1課：はじめまして (Rất vui được làm quen với chị)	x	x	x	x		x	x	x	x		x	x	x	x
5	第2課：これからお世話になります (Từ nay rất mong được sự giúp đỡ của anh)	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x	x	x
6	第3課：これをください (Chị cho tôi chai này)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

## 11. Đánh giá học phần

### 11.1. Kiểm tra và đánh giá trình độ

Chuẩn đầu ra	Mức độ thành thạo được đánh giá bởi
<b>CDR1</b>	Bài tập cá nhân, bài tập nhóm, kiểm tra thường xuyên
<b>CDR2</b>	Bài tập cá nhân, bài tập nhóm, kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần
<b>CDR3</b>	Bài tập cá nhân, bài tập nhóm, kiểm tra thường xuyên

**11.2. Cách tính điểm học phần:** Tính theo thang điểm 10 sau đó chuyển thành thang điểm chữ và thang điểm 4.

STT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Ghi chú
1	Điểm kiểm tra thường xuyên; điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; điểm đánh giá phần bài tập; điểm chuyên cần	01 điểm	20%	Điểm trung bình của các lần đánh giá
2	Điểm kiểm tra giữa học phần	01 điểm	30%	
3	Điểm thi kết thúc học phần	01 điểm	50%	

### 11.3. Phương pháp đánh giá

Học phần sử dụng phương pháp đánh giá điểm thành phần như sau:

- Kiểm tra thường xuyên; đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; đánh giá phần bài tập; chuyên cần; vấn đáp.
- Kiểm tra giữa học phần: Vấn đáp
- Thi kết thúc học phần: Tự luận (01 bài thi, thời gian làm bài: 90 phút).

## 12. Yêu cầu học phần

Sinh viên thực hiện những yêu cầu sau:

- Tham gia tối thiểu 80% số tiết học trên lớp dưới sự hướng dẫn của giảng viên.
- Đọc và nghiên cứu tài liệu phục vụ học phần, hoàn thành các bài tập cá nhân và bài tập nhóm.
- Chủ động ôn tập theo đề cương ôn tập được giảng viên cung cấp.
- Tham gia kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần.
- Dụng cụ học tập: Từ điển, giáo trình, vở ghi, bút.

## 13. Tài liệu phục vụ học phần

**- Tài liệu bắt buộc:**

[1] - Nihongo no kakikata no hon (2017), *Tập viết tiếng Nhật thông dụng*, NXB Đại học quốc gia Hà Nội.

[2] - Mina no nihongo (2019), *Tiếng Nhật cho mọi người sơ cấp 1 - Bản tiếng Nhật*, Nhà xuất bản trẻ.

[3] - Minna no nihongo (2019), *Tiếng Nhật cho mọi người sơ cấp 1 - Bản tiếng Việt*, Nhà xuất bản trẻ.

**- Tài liệu tham khảo:**

[4] - Mina no nihongo (2019), *Tiếng Nhật cho mọi người sơ cấp 1 - Tổng hợp các bài tập theo chủ điểm*, Nhà xuất bản trẻ.

**14. Nội dung chi tiết học phần và phương pháp dạy-học**

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy - học	CDR học phần
1	<p><b>I. ひらがな</b> (Chữ Hiragana) <b>Mục tiêu bài:</b> - Trình bày bảng chữ Hiragana; - Nhận biết chữ Hiragana, cách ghép âm, cách đọc âm ngắt, âm ghép, trường âm, cách viết các chữ.</p> <p><b>Nội dung cụ thể:</b> 1. Bảng chữ Hiragana 2. Âm ngắt, âm ghép, trường âm</p>	4 (4 LT, 0 TH)	<p><b>Thuyết trình, giảng giải, phát vấn</b> <b>- Giảng viên:</b> + Giải thích các âm và hàng chữ Hiragana; + Giảng giải cách viết và thứ tự các nét; + Hướng dẫn sinh viên tập phát âm; + Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm; + Nhận xét, đánh giá. <b>- Sinh viên:</b> + Nghe, quan sát, ghi chép; + Giải quyết vấn đề giảng viên nêu ra; + Luyện đọc, viết, cách ghép âm, tập đánh vần từ vựng chữ Hiragana tài liệu [1] phần 1.</p>	CDR1.1; CDR1.2; CDR2.1; CDR2.2; CDR3.1; CDR3.2; CDR3.3; CDR3.4.
2	<p><b>II. カタカナ</b> (Chữ katakana) <b>Mục tiêu bài:</b> - Trình bày bảng chữ Katakana; - Nhận biết các chữ Katakana, cách ghép âm, cách đọc âm ngắt, âm ghép, trường âm, cách viết các chữ.</p> <p><b>Nội dung cụ thể:</b> 1. Bảng chữ Katakana</p>	4 (4 LT, 0 TH)	<p><b>Thuyết trình, giảng giải, phát vấn</b> <b>- Giảng viên:</b> + Giải thích các âm và hàng chữ Katakana; + Giảng giải cách viết và thứ tự các nét; + Luyện phát âm; + Phân biệt các chữ Hiragana và Katakana có nét tương đồng; + Giao bài tập cho cá nhân,</p>	CDR1.1; CDR1.2; CDR2.1; CDR2.2; CDR3.1; CDR3.2; CDR3.3; CDR3.4.

	2. Âm ngắt, âm ghép, trường âm		<p>các nhóm;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Nhận xét, đánh giá.</li> </ul> <p><b>- Sinh viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Nghe, quan sát, ghi chép;</li> <li>+ Giải quyết vấn đề giảng viên nêu ra;</li> <li>+ Luyện đọc, viết, cách ghép âm, tập đánh vần từ vựng chữ Katakana tài liệu [1] phần 2.</li> </ul>	
3	<p>III. 挨拶と数学 (Chào hỏi và số đếm) <b>Mục tiêu bài:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày câu chào, số đếm;</li> <li>- Hội thoại chào hỏi.</li> </ul> <p><b>Nội dung cụ thể:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. 挨拶</li> <li>2. 数学</li> </ol>	2 (2 LT, 0 TH)	<p><b>Thuyết trình, phát vấn, tổ chức học theo nhóm</b></p> <p><b>- Giảng viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giảng giải ý nghĩa, trường hợp sử dụng câu chào hỏi, cách thức chào hỏi của người Nhật;</li> <li>+ Trình bày số đếm, cách ghép và đọc số đếm;</li> <li>+ Giao bài tập luyện chào hỏi và đọc số cho sinh viên;</li> <li>+ Nhận xét, đánh giá.</li> </ul> <p><b>- Sinh viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Nghe, quan sát, ghi chép;</li> <li>+ Giải quyết vấn đề giảng viên nêu ra;</li> <li>+ Đọc trước tài liệu [2] trang 5, tài liệu [3] trang 7;</li> <li>+ Hội thoại chào hỏi;</li> <li>+ Học thuộc các số đếm;</li> <li>+ Luyện nghe, đọc, viết số.</li> </ul>	CĐR1.1; CĐR1.2; CĐR1.3; CĐR2.1; CĐR2.2; CĐR3.1; CĐR3.2; CĐR3.3; CĐR3.4.
4	<p>第1課：はじめまして (Rất vui được làm quen với chị) <b>Mục tiêu bài:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày từ vựng chỉ nghề nghiệp, tên quốc gia, quốc tịch;</li> <li>- Hiểu mẫu câu giới thiệu nghề nghiệp, quê quán, quốc tịch,</li> </ul>	8 (6 LT, 0 TH, 2 KT)	<p><b>Thuyết trình, tổ chức thảo luận nhóm, đặt vấn đề</b></p> <p><b>- Giảng viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giải thích từ vựng, cấu trúc;</li> <li>+ Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề;</li> <li>+ Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm;</li> <li>+ Ôn tập củng cố nội dung</li> </ul>	CĐR1.1; CĐR1.2; CĐR1.3; CĐR1.4; CĐR2.1; CĐR2.2; CĐR2.3; CĐR2.4; CĐR3.1;



	<p>tuổi tác; - Nghe, nói, đọc, viết chào hỏi, giới thiệu bản thân. <b>- Nội dung cụ thể:</b> 1.1.語彙 1.2.文法・句型 + 練習A + 練習 B 1.3.活動 + 会話 + 練習 C 1.4.問題 + 聴解 + 復習</p> <p>Kiểm tra giữa học phần</p>		<p>từ bài 1 tài liệu [2]; + Hướng dẫn kiểm tra giữa học phần. <b>- Sinh viên</b> + Đọc trước từ vựng, giải thích mẫu câu trang 10 - 15 tài liệu [3]; + Nghe, quan sát, ghi chép; + Giải quyết vấn đề giảng viên nêu ra; + Làm bài tập cá nhân, theo nhóm trang 6 - 13 tài liệu [2]; + Làm bài tập bài học 1 tài liệu [4]; + Thiết lập đoạn hội thoại chào hỏi, làm quen; + Làm bài kiểm tra giữa học phần.</p>	<p>CĐR3.2; CĐR3.3; CĐR3.4.</p>
5	<p><b>第 2 課：これからお世話になります</b> (Từ nay rất mong được sự giúp đỡ của anh) <b>Mục tiêu bài:</b> - Trình bày danh từ chỉ đồ vật; - Hiểu mẫu câu giới thiệu đồ vật dùng các đại từ chỉ định, cấu trúc câu hỏi xác nhận và câu hỏi lựa chọn, các nghi vấn từ và trợ từ biểu thị sự sở hữu; - Nghe, nói, đọc, viết giới thiệu đồ vật và cấu trúc câu biểu thị sự sở hữu. <b>Nội dung cụ thể:</b> 2.1.語彙</p>	6 (6 LT, 0 TH)	<p><b>Thuyết trình; giảng giải; phát vấn; tổ chức học nhóm</b> <b>- Giảng viên:</b> + Giải thích từ vựng, cấu trúc sử dụng trong bài học; + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề; + Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm. <b>- Sinh viên:</b> + Đọc trước từ vựng chỉ đồ vật, giải thích mẫu câu trang 16 - 21 tài liệu [3]; + Nghe, quan sát, ghi chép; + Giải quyết vấn đề; + Làm bài tập cá nhân, bài tập nhóm trang 14 - 21 tài liệu [2];</p>	<p>CĐR1.1; CĐR1.2; CĐR1.3; CĐR1.4; CĐR1.5; CĐR2.1; CĐR2.2; CĐR2.3; CĐR2.4; CĐR3.1; CĐR3.2; CĐR3.3; CĐR3.4.</p>

	<p>2.2.文法・文型</p> <p>+ 練習A</p> <p>+ 練習 B</p> <p>2.3.活動</p> <p>+ 会話</p> <p>+ 練習 C</p> <p>2.4.問題</p> <p>+ 聴解</p> <p>+ 復習</p>		<p>+ Làm bài tập bài học 2 tài liệu [4];</p> <p>+ Thiết lập đoạn hội thoại hỏi thăm đồ vật và chủ sở hữu.</p>	
6	<p><b>第 3 課 : これをください</b>  <b>(Chỉ cho tôi chai này)</b>  <b>Mục tiêu bài:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày từ vựng chỉ địa điểm, nơi chốn;</li> <li>- Hiểu mẫu câu sử dụng các đại từ chỉ vị trí, cấu trúc câu về xuất xứ, giá cả đồ vật;</li> <li>- Nghe, nói, đọc, viết về địa điểm, nơi chốn, xuất xứ, giá cả đồ vật, hàng hóa.</li> </ul> <p><b>Nội dung cụ thể:</b></p> <p>3.1.語彙</p> <p>3.2.文法・文型</p> <p>+ 練習 A</p> <p>+ 練習 B</p> <p>3.3.活動</p> <p>+ 会話</p> <p>+ 練習 C</p> <p>3.4.問題</p> <p>+ 聴解</p>	6 (6 LT, 0 TH)	<p><b>Thuyết trình, tổ chức thảo luận nhóm, phát vấn, đặt vấn đề</b></p> <p><b>- Giảng viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giải thích từ vựng, cấu trúc sử dụng trong bài học;</li> <li>+ Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề;</li> <li>+ Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm.</li> </ul> <p><b>- Sinh viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đọc trước từ vựng, giải thích mẫu câu trang 22 - 27 tài liệu [3];</li> <li>+ Nghe, quan sát, ghi chép;</li> <li>+ Giải quyết vấn đề;</li> <li>+ Làm bài tập cá nhân, theo nhóm trang 22 - 29 tài liệu [2];</li> <li>+ Làm bài tập bài học 3 tài liệu [4];</li> <li>+ Thiết lập đoạn hội thoại hỏi thăm giá cả, xuất xứ hàng hóa.</li> </ul>	<p>CĐR1.1;  CĐR1.2;  CĐR1.3;  CĐR1.4;  CĐR1.5;  CĐR2.1;  CĐR2.2;  CĐR2.3;  CĐR2.4;  CĐR2.5;  CĐR3.1;  CĐR3.2;  CĐR3.3;  CĐR3.4.</p>

	+ 復習			
--	------	--	--	--

*Hải Dương, ngày 24 tháng 9 năm 2020*

**KT.HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



**TS. Nguyễn Thị Kim Nguyên**

**TRƯỞNG KHOA**

A blue ink signature in cursive script, likely belonging to Nguyễn Đăng Tiến.

**Nguyễn Đăng Tiến**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

A blue ink signature in cursive script, likely belonging to Trịnh Thị Chuyên.

**Trịnh Thị Chuyên**